

PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG LÀNG TRÀ NHIÊU: TIẾP CẬN CÁC BÊN THAM GIA

HỒ THỊ KIM THÙY

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

The Institute of Social Sciences of Central Region and Central Highlands

Email: kimthuy1605@gmail.com

Ngày nhận bài: 4/8/2026

Ngày sửa bài: 21/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 4/9/2026

Tóm tắt:

Làng Trà Nhiêu (thành phố Đà Nẵng) là địa điểm có nhiều điều kiện phát triển du lịch cộng đồng, nhưng gần hai thập kỷ qua lại phát triển thiếu ổn định. Vận dụng cách tiếp cận các bên tham gia, dựa trên dữ liệu thứ cấp, điền dã và phỏng vấn sâu năm 2026, bài viết cho thấy những hạn chế trong tổ chức, phối hợp và phân bổ lợi ích giữa các chủ thể là yếu tố quan trọng góp phần lý giải tính thiếu ổn định này. Cộng đồng và tổ chức trung gian là những bên tham gia sâu nhất nhưng bị ràng buộc về pháp lý, nguồn lực, và cơ chế chia sẻ lợi ích còn sơ khai; trong khi đó, các dự án đầu tư đình trệ kéo dài và chính quyền, sau giai đoạn chuyển tiếp, mới bắt đầu chuyển định hướng thành hành động. Từ đó, bài viết đề xuất các hàm ý chính sách nhằm thể chế hóa quan hệ phối hợp giữa các bên, để cộng đồng giữ vai trò chủ thể.

Từ khóa: du lịch cộng đồng, các bên tham gia, làng Trà Nhiêu, phát triển bền vững

Community-based tourism development in Tra Nhie village: A stakeholder approach

Abstract:

Tra Nhie Village in Da Nang City has considerable potential for community-based tourism development, yet its development has been unstable over nearly two decades. Applying a stakeholder approach and drawing on secondary data, fieldwork and in-depth interviews conducted in 2026, this article finds that limitations in the organization, coordination and benefit-sharing among stakeholders are an important factor explaining this instability. The community and its intermediary organization are the most deeply engaged actors, yet they face legal and resource constraints, and benefit-sharing mechanisms remain rudimentary; meanwhile, investment projects have long stalled, and local government has only recently begun to turn policy orientations into action. On this basis, the article proposes policy implications aimed at institutionalizing coordination among stakeholders so that the community can act as the principal agent of development.

Keywords: community-based tourism, stakeholders, Tra Nhie village, sustainable development

1. Đặt vấn đề

Thời gian qua, du lịch cộng đồng (DLCĐ) đã trở thành xu hướng phát triển rõ nét của du lịch Việt Nam, nhất là tại các vùng nông thôn có tài nguyên sinh thái - văn hóa đặc trưng, được thúc đẩy bởi chủ trương phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và nhu cầu trải nghiệm bản địa ngày càng lớn của du khách.

Nằm ở vùng hợp lưu Thu Bồn - Bà Rén - Ly Ly, làng Trà Nhiều (thôn Trà Đông, xã Nam Phước, thành phố Đà Nẵng) hội tụ cảnh quan sông nước, rừng dừa nước vừa có giá trị sinh thái vừa gắn với ký ức lịch sử, cùng nhiều nghề truyền thống như đan thúng chai, dệt chiếu cói, chằm lá dừa nước, tạo nên tiềm năng để trở thành 1 điểm đến DLCĐ đặc sắc (Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Phước, 2025). Tuy được công nhận là điểm du lịch địa phương từ năm 2009 và khởi động mô hình DLCĐ từ tháng 7/2010, hành trình phát triển của làng lại mang tính “thăng trầm” rõ rệt. Chỉ sau vài năm, mô hình ban đầu rơi vào bế tắc do thiếu liên kết ràng buộc giữa doanh nghiệp lữ hành và cộng đồng, và doanh nghiệp từng vào khai thác cũng rút lui chỉ sau một năm (Song Anh & Phan Vinh, 2016). Khoảng năm 2017, một số hộ dân tự khôi phục dịch vụ đón khách và bước đầu có thu nhập (Quế Trung, 2024). Tuy nhiên, dịch COVID-19 giai đoạn 2020-2022 lại khiến làng vắng khách, và phải đến năm 2023 du lịch Trà Nhiều mới khởi sắc trở lại (Nguyễn Quỳnh & Phan Hải, 2023). Bên cạnh những tác động từ bên ngoài như dịch COVID-19, câu hỏi đặt ra là những yếu tố nội tại nào khiến du lịch Trà Nhiều thiếu tính liên tục, ổn định? Bài viết giả định, trong khi tài nguyên vẫn được địa phương đánh giá là lợi thế nổi bật, những hạn chế trong tổ chức và vận hành quan hệ giữa các chủ thể là một yếu tố quan trọng.

Bối cảnh này càng đáng chú ý khi việc sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 (hiệu lực từ ngày 01/7/2025) đã đưa Trà Nhiều từ xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam (cũ) vào xã Nam Phước, thành phố Đà Nẵng (mới), và xã Nam Phước tiếp tục được thông qua chủ trương nâng cấp lên phường (Trọng Huy, 2026). Những thay đổi liên tiếp này đặt ra yêu cầu định vị lại vai trò và cơ chế phối hợp giữa các bên trong một không gian quản trị còn nhiều biến động. Xuất phát từ đó, bài viết vận dụng cách tiếp cận các bên tham gia để nhận diện các chủ thể, đánh giá mức độ tham gia và quan hệ phối hợp giữa các bên tại Trà Nhiều, qua đó góp phần lý giải tính thiếu ổn định của DLCĐ nơi đây và đề xuất hàm ý chính sách phù hợp.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Luật Du lịch năm 2017 định nghĩa “Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi” (Quốc hội, 2017, khoản 15, Điều 3). Định nghĩa này xác lập 3 trụ cột của DLCĐ: nền tảng văn hóa, quyền quản lý khai thác và quyền hưởng lợi của cộng đồng, đồng thời là căn cứ pháp lý cho tính chính danh của cộng đồng trong phát triển du lịch.

Cách tiếp cận các bên tham gia (stakeholder approach) có nguồn gốc từ quản trị doanh nghiệp, sau đó được vận dụng rộng rãi trong nghiên cứu phát triển điểm đến du lịch (Sautter & Leisen, 1999). Tư tưởng cốt lõi của cách tiếp cận này là một điểm đến không thể vận hành hiệu quả nếu tách rời lợi ích và sự tham gia của các nhóm chủ thể liên quan; phát triển bền vững chỉ đạt được khi lợi ích của các bên được cân đối hài hòa (Freeman & McVea, 2005). Trong lĩnh vực DLCĐ, Timur & Getz (2008) nhấn mạnh hợp tác giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng là điều kiện tiên quyết, bởi mỗi chủ thể sở hữu quyền lực, tính chính danh và nguồn lực khác nhau. Ở góc độ nhận diện chủ thể, Byrd và cộng sự (2009) đề xuất khung phân tích gồm 4 nhóm chủ thể cốt lõi: (i) cộng đồng dân cư địa phương, (ii) doanh nghiệp du lịch, (iii) chính quyền các cấp và (iv) khách du lịch. Kết hợp 2 hướng tiếp cận này, bài viết sử dụng khung của Byrd

và cộng sự (2009) để nhận diện các bên, đồng thời dùng tương quan giữa quyền lực và tính chính danh (Timur & Getz, 2008) làm công cụ phân tích vị thế của từng bên.

Trong DLCĐ, tổ chức trung gian cộng đồng thường giữ vai trò trực kết nối, lồng ghép năng lực của các hộ, doanh nghiệp và chính quyền hướng đến sản phẩm du lịch chung (Morales-Zamorano et al., 2020). Để ứng xử với các bên liên quan, một tổ chức có thể lựa chọn 2 phương thức mà Harrison và St. John (1996) phân định (dẫn theo Freeman & McVea, 2005): giảm thiểu biến động thông qua các cơ chế đệm (buffering), hoặc chủ động xây dựng liên kết hợp tác (bridging). Trong DLCĐ, nơi các chủ thể phụ thuộc lẫn nhau cao, phương thức bắc cầu giữ vai trò chủ đạo, bởi phát triển bền vững chỉ đạt được khi nguồn lực được tích hợp và lợi ích được chia sẻ giữa các bên.

Trên cơ sở đó, bài viết mở rộng khung thành 5 nhóm chủ thể: cộng đồng dân cư, tổ chức trung gian cộng đồng, chính quyền địa phương, doanh nghiệp lữ hành/nhà đầu tư và khách du lịch.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp 3 nguồn dữ liệu. Thứ nhất, dữ liệu thứ cấp gồm các văn bản của địa phương (phương án, kế hoạch phát triển du lịch của UBND xã Duy Vinh và xã Nam Phước) và các bài báo phản ánh diễn biến phát triển du lịch Trà Nhiêu qua các giai đoạn. Thứ hai, dữ liệu sơ cấp được thu thập qua phỏng vấn sâu bán cấu trúc vào tháng 6/2026 với 4 người đại diện các vị trí khác nhau: người quản lý tổ hợp tác, thành viên đội dịch vụ cộng đồng và hộ làm nghề truyền thống. Thứ ba, quan sát thực địa được dùng để đối chiếu, kiểm chứng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu lần lượt (i) nhận diện các bên tham gia, (ii) đánh giá mức độ và cơ chế tham gia thực tế, và (iii) phân tích quan hệ phối hợp giữa các bên, làm cơ sở đề xuất hàm ý chính sách.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Nhận diện các bên tham gia phát triển du lịch cộng đồng Trà Nhiêu

Soi chiếu khung 5 nhóm chủ thể vào thực tiễn, các bên tham gia DLCĐ Trà Nhiêu được tổng hợp theo vai trò, nguồn lực và mức độ hưởng lợi tại Bảng 1.

Bảng 1. Vị thế của các bên tham gia DLCĐ Trà Nhiêu

Chủ thể	Vai trò trong cung ứng sản phẩm du lịch	Nguồn lực, quyền lực chủ yếu	Lợi ích nhận được và ràng buộc
1. Cộng đồng dân cư			
Thôn Trà Đông	Truyền đạt chủ trương, vận động người dân	Vai trò tự quản được cộng đồng thừa nhận; không có nguồn thu	Không hưởng lợi trực tiếp từ du lịch
Đội dịch vụ cộng đồng	Trực tiếp phục vụ các hoạt động trải nghiệm chính (chèo thúng, néo rờ, mototrip)	Lao động, phương tiện và am hiểu địa bàn	Thu nhập theo lượt phục vụ, biến động theo mùa vụ
Cơ sở dịch vụ du lịch	Cung ứng ăn uống, lưu trú, trải nghiệm	Cơ sở vật chất của hộ; chủ động được nguồn khách	Quy mô nhỏ, phục vụ ít khách lưu trú
Hộ làm nghề truyền thống	Làm ra các vật phẩm, công trình tạo nét đặc trưng cho sản phẩm (thúng chai, nhà tre, chiếu cói)	Tri thức nghề	Mức chi trả thấp; thu từ khách lẻ không ổn định; người làm nghề chủ yếu là người cao tuổi

2. Tổ chức trung gian			
Tổ hợp tác Làng nghề truyền thống Trà Nhiêu	Tiếp nhận, kết nối khách; thiết kế sản phẩm, định giá dịch vụ	Mạng lưới quan hệ với doanh nghiệp lữ hành và các hộ	Doanh thu chưa đủ thu hồi vốn; chưa có tư cách pháp nhân; đất chưa được cấp giấy chứng nhận
Ban điều hành DLCĐ (đã giải thể)	Từng điều phối hoạt động của các hộ	Không có kinh phí; không được phép thu phí	Đã tự giải thể, chưa được tái lập
3. Chính quyền địa phương			
UBND xã Nam Phước và cấp trên	Ban hành kế hoạch, quy hoạch; đầu tư hạ tầng	Thẩm quyền quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư	Triển khai còn chậm do giai đoạn chuyển tiếp sau sáp nhập
4. Doanh nghiệp, nhà đầu tư			
Doanh nghiệp lữ hành, hướng dẫn viên	Đưa khách đến làng	Nắm giữ nguồn khách	Được hưởng giá ưu đãi; chưa hợp tác sâu với cộng đồng
Nhà đầu tư các dự án	Dự kiến đầu tư khu nghỉ dưỡng, sinh thái	Vốn; quỹ đất trong ranh quy hoạch dự án	Dự án đình trệ kéo dài
5. Khách du lịch			
Khách theo tour, khách tự do; đoàn học thuật	Sử dụng dịch vụ; quảng bá qua đánh giá trực tuyến	Quyền lựa chọn điểm đến	-

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ văn bản của địa phương, báo chí và kết quả điền dã tháng 6/2026.

Bảng 1 cho thấy 2 đặc điểm nổi bật trong cấu trúc các bên tham gia tại Trà Nhiêu. Thứ nhất, các chủ thể tại chỗ không tổ chức theo một hệ thống thống nhất mà liên kết với nhau khá linh hoạt, theo nhiều đầu mối: các đội dịch vụ cộng đồng được nhiều điểm đón khách cùng huy động; các cơ sở dịch vụ và hộ nghề vừa tự đón khách, vừa tiếp nhận khách do tổ chức trung gian kết nối; bản thân Tổ hợp tác (THT) Làng nghề truyền thống Trà Nhiêu cũng chỉ là một trong các đầu mối đón khách của làng. Thứ hai, 2 chủ thể được kỳ vọng giữ vai trò điều phối và đầu tư đều không hiện diện trên thực tế: Ban điều hành DLCĐ từng được thành lập nhưng đã tự giải thể và chưa được tái lập, còn các dự án đầu tư được chấp thuận chưa được triển khai.

3.2. Mức độ, cơ chế tham gia và những khoảng trống

Đối chiếu vai trò được xác lập trong văn bản với kết quả điền dã, có thể nhận diện 3 khoảng trống chủ yếu trong mức độ và cơ chế tham gia của các bên tại Trà Nhiêu.

Thứ nhất, độ trễ và khoảng cách giữa định hướng trên văn bản với sự tham gia trên thực tế

Đối với chính quyền, mức độ tham gia có sự chuyển dịch rõ nét giữa 2 giai đoạn. Theo báo cáo của địa phương, trước sáp nhập, chính quyền các cấp đã can thiệp khá trực tiếp: xã Duy Vinh (cũ) vận động người dân trồng cau, chè tàu, chỉnh trang nhà ở theo kiểu nhà 3 gian truyền thống, đầu tư nhà điều hành, cầu tre, cổng làng, bến thuyền và phối hợp mở các lớp đào tạo làm du lịch; cấp tỉnh, huyện công nhận điểm du lịch (2009), phê duyệt quy hoạch chung (2011), hỗ trợ tập huấn, quảng bá và đưa sản phẩm tham gia hội chợ (UBND xã Duy Vinh, 2024). Tuy nhiên, từ góc nhìn của cộng đồng, các hỗ trợ này chủ yếu tập trung vào hạ tầng và đào tạo, chưa đến được với thiết chế điều phối của làng (Ngọc Phúc, 2018).

Sau sáp nhập, quá trình kiện toàn bộ máy và sắp xếp lại nhiệm vụ đã tạo ra một độ trễ nhất định. Phải đến tháng 6/2026, khoảng 1 năm sau khi xã Nam Phước (mới) đi vào hoạt động, kế hoạch phát triển du lịch giai đoạn 2026-2030 mới được ban hành, trong đó Trà Nhiêu được xác định là trọng điểm (UBND xã Nam Phước, 2026a). Song song với đó, chính quyền đã có những bước triển khai ban đầu như xây dựng cổng làng mới và hỗ trợ thành lập hợp tác xã du lịch cộng đồng Trà Nhiêu. Điều này cho thấy, khoảng cách giữa định hướng và hành động ở giai đoạn hiện nay chủ yếu mang tính độ trễ chuyển tiếp, dù các hạng mục thiết yếu như bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng, khu đón tiếp tập trung vẫn còn thiếu.

Đối với khu vực doanh nghiệp đầu tư, khai thác, khoảng cách giữa định hướng và thực tế kéo dài hơn và có nguyên nhân từ nhiều phía. Sau giai đoạn cộng đồng tự quản lý không hiệu quả, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam đã thống nhất cho Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế Lê Nguyễn vận hành làng du lịch từ năm 2013, nhưng doanh nghiệp rút lui chỉ sau khoảng một năm hoạt động không hiệu quả (Song Anh & Phan Vinh, 2016). Giai đoạn 2017-2018, 3 dự án du lịch sinh thái được chấp thuận chủ trương đầu tư tại khu vực Trà Nhiêu - Trà Đông (Khánh Linh, 2018), nhưng đến nay đều chưa đi vào hoạt động. Dự án Khu du lịch sinh thái Trà Nhiêu Xanh đã được điều chỉnh quy mô, gia hạn nhiều lần (Hoàng Anh, 2022) nhưng nhà đầu tư vẫn chưa triển khai. Ngược lại, dự án Khu du lịch sinh thái Làng cau Trà Đông, dù nhà đầu tư đã chi hơn 12 tỷ đồng để triển khai, vẫn chưa được cho thuê đất và điều chỉnh tiến độ, với nguyên nhân được chính lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Nam khi đó thừa nhận là do các cơ quan chức năng chưa tích cực phối hợp tháo gỡ (Tuấn Vỹ, 2025).

Thứ hai, sự phân tầng trong tham gia và hưởng lợi của cộng đồng

Quy mô tham gia hoạt động du lịch của cộng đồng làng Trà Nhiêu vừa hẹp vừa thiếu ổn định: năm 2024, làng có 2 tổ chức và 23 hộ đầu tư vào dịch vụ du lịch (UBND xã Duy Vinh, 2024); đến năm 2026, theo đánh giá của chính quyền xã, chỉ còn khoảng hơn 10 trong tổng số 442 hộ tham gia thường xuyên. Trong bộ phận đang tham gia, cơ chế hưởng lợi phân thành 3 tầng. Rõ ràng nhất là thành viên các đội dịch vụ cộng đồng khi phục vụ tại điểm đón của tổ chức trung gian, với phần thu được phân định theo tỷ lệ cố định (PVS ông TVT, thành viên đội chèo thuyền thúng). Các cơ sở dịch vụ chủ động hơn nhờ vận hành song song 2 kênh đón khách. Không ổn định nhất là các hộ nghề: với khách đoàn, hộ được bên lữ hành trả khoảng 10.000 - 20.000 đồng/khách theo mức giá thống nhất giữa lữ hành, tổ chức trung gian và hộ; còn với khách lẻ thì không cố định (PVS bà NTT, hộ làm nghề dệt chiếu cói truyền thống). Đáng chú ý, chính nhóm hộ nghề tạo ra những vật phẩm làm nên nét đặc trưng của sản phẩm du lịch, nhưng giá trị nhận được chưa tương xứng với vai trò đó, phản ánh khoảng trống về cơ chế chia sẻ lợi ích mà Nguyễn Thị Hương Giang và cộng sự (2026) đã chỉ ra.

Sự phân tầng này còn chịu tác động từ cơ chế giá với các kênh bên ngoài. Doanh nghiệp lữ hành và hướng dẫn viên tự do đều liên hệ trước để đưa khách, trong đó hướng dẫn viên thường đưa nhóm nhỏ dưới 5 người, và khách qua các kênh này được hưởng mức giá thấp hơn khách tự tìm đến (PVS ông TVT, thành viên đội chèo thuyền thúng). Người quản lý điểm đón gọi mối quan hệ này là “cộng sinh”, nghĩa là cộng đồng chủ động chấp nhận mức giá thấp để đổi lấy nguồn khách ổn định (PVS ông TDT, người quản lý THT). Tuy nhiên, quan hệ này mới dừng ở khâu phân phối khách, chưa phát triển thành các hình thức hợp tác sâu hơn như cùng đầu tư sản phẩm hay hỗ trợ đào tạo, nên nguồn khách vẫn phụ thuộc nhiều vào mùa vụ và dòng khách từ Hội An. Các khâu có khả năng tạo giá trị gia tăng cao như lưu trú, ăn uống vẫn chủ yếu diễn ra bên ngoài làng, khiến Trà Nhiêu chủ yếu giữ vai trò một điểm dừng chân phụ trợ, thay vì một điểm đến có khả năng giữ chân khách.

Thứ ba, tổ chức trung gian có tầm nhìn và năng lực kết nối nhưng bị ràng buộc bởi các rào cản thể chế
Người đứng đầu tổ chức trung gian xác định mục tiêu xây dựng điểm đón thành đầu mối kết nối du

lịch cho toàn làng. Mục tiêu này đã bước đầu được hiện thực hóa khi tổ chức giới thiệu khách đoàn đến các hộ nghề và cùng bên lề hành, hộ dân thống nhất mức chi trả (PVS ông TDT, người quản lý THT). Chiến lược phát triển của tổ chức mang tính thận trọng có chủ đích, theo phương châm “chậm mà chắc”: mở rộng đầu tư theo khả năng thu hồi vốn; quảng bá dựa vào fanpage, kết nối trực tiếp với bên lề hành và đánh giá của du khách. Trọng tâm chiến lược là khôi phục nghề đan thúng chai, được xem là “hòn cốt” của làng, nhằm khép kín câu chuyện sản phẩm từ tre làng, nghề nhân, thuyền thúng đến trải nghiệm chèo trên sông; và từng bước áp dụng cho các nghề khác như dệt chiếu, nấu rượu, làm hàng mã. Về dài hạn, tổ chức đang xúc tiến đề nghị thuê mặt nước và thí điểm đón các đoàn học thuật theo hướng du lịch học tập cộng đồng.

Tuy nhiên, dư địa mở rộng của tổ chức bị giới hạn bởi những ràng buộc nằm ngoài khả năng tự giải quyết. Tổ chức vẫn vận hành dưới hình thức tổ hợp tác, không có tư cách pháp nhân, trong khi việc thành lập hợp tác xã chưa hoàn tất, nên chưa thể đứng tên ký kết, tiếp cận chính sách hỗ trợ hay đề nghị thuê mặt nước. Phần lớn đất tại khu vực đón khách chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và doanh thu mới đủ duy trì hoạt động, chưa thu hồi được vốn đầu tư ban đầu (PVS ông TDT, người quản lý THT). Như vậy, chiến lược “chậm mà chắc” vừa là lựa chọn chủ động, vừa là một dạng ứng xử đệm (buffering) trước những ràng buộc mà tổ chức chưa thể tự tháo gỡ.

Tóm lại, việc đặt các chủ thể trong tương quan giữa quyền lực và tính chính danh (Timur & Getz, 2008) cho thấy một cấu trúc bất cân xứng. Cộng đồng và tổ chức trung gian là những chủ thể có tính chính danh cao nhất, được pháp luật xác định là chủ thể quản lý, khai thác và hưởng lợi, đồng thời trực tiếp tạo ra giá trị cho sản phẩm. Tuy nhiên, đây lại là những chủ thể nắm ít quyền lực nhất: không kiểm soát dòng khách, chưa có tư cách pháp nhân và quyền sử dụng đất ổn định. Ngược lại, quyền lực quyết định các điều kiện phát triển lại nằm ở những chủ thể tham gia gián tiếp: doanh nghiệp bên lề hành kiểm soát dòng khách, chính quyền nắm thẩm quyền về đất đai và quy hoạch, còn các dự án đầu tư chiếm giữ quỹ đất quy hoạch nhưng chưa triển khai. Sự lệch pha giữa quyền lực và tính chính danh này là cơ sở để đánh giá quan hệ phối hợp giữa các bên ở phần sau.

3.3. Đánh giá quan hệ phối hợp giữa các bên: thuận lợi, rào cản

Quan hệ phối hợp giữa các bên được xem xét theo 3 chiều: chiều dọc (chính quyền với cộng đồng và tổ chức trung gian), chiều ngang (giữa các chủ thể tại chỗ) và chiều hướng ngoại (với doanh nghiệp bên lề hành, nhà đầu tư). Trên cả 3 chiều, các yếu tố thuận lợi đã xuất hiện, song vẫn tồn tại những rào cản nhất định.

3.3.1. Về thuận lợi

Thứ nhất, các bên đã hình thành sự đồng thuận cơ bản về định hướng phát triển: lấy bảo tồn văn hóa - sinh thái làm nền tảng, không đánh đổi cảnh quan lấy lợi ích kinh tế ngắn hạn. Sự đồng thuận này có tính kế thừa, từ các hoạt động giữ gìn cảnh quan của chính quyền xã Duy Vinh (cũ) đến chủ trương “nói không với bê tông hóa” của chính quyền xã Nam Phước (Hoàng Liên, 2026) và phương châm “chậm mà chắc” của tổ chức trung gian.

Thứ hai, trên chiều ngang, các chủ thể tại chỗ đã bước đầu hình thành những cơ chế phối hợp tự phát và mang lại kết quả tích cực ban đầu. Các đội dịch vụ cộng đồng được nhiều điểm đón khách cùng huy động; các cơ sở dịch vụ và hộ nghề tiếp nhận khách qua kênh kết nối của tổ chức trung gian; với khách đoàn, mức chi trả cho hộ nghề được thống nhất giữa bên lề hành, tổ chức trung gian và hộ dân. Đây là biểu hiện ban đầu của phương thức bắc cầu (bridging), và là bước tiến đáng kể so với năm 2018, khi làng có ngày đón hơn 100 khách nhưng gần như không có nguồn thu do chưa có cơ chế giá cụ thể (Ngọc Phúc, 2018).

Thứ ba, trên chiều dọc, quan hệ giữa chính quyền mới với cộng đồng đã có những bước khởi động cụ thể, đặc biệt là đưa Trà Nhiêu vào vị trí trọng điểm trong kế hoạch phát triển du lịch giai đoạn 2026-2030.

Trên chiều hướng ngoại, số đơn vị lữ hành chủ động liên hệ tìm kiếm hợp tác có xu hướng tăng, cho thấy sức hút ngày càng lớn của điểm đến (PVS ông TDT, người quản lý THT).

3.3.2. Về rào cản

Rào cản thứ nhất là thiếu một thiết chế điều phối ở cấp toàn làng. Làng từng có Ban điều hành DLCĐ, nhưng thiết chế này đã không duy trì được do thiếu kinh phí hoạt động. Thu nhập từ du lịch của các hộ khi đó còn quá thấp nên khoản trích lại cho Ban không đáng kể, còn đề nghị thu phí từ doanh nghiệp và du khách thì không được cấp có thẩm quyền chấp thuận (Ngọc Phúc, 2018). Sau đó, Ban tự giải thể và đến nay chưa được tái lập, dù vẫn xuất hiện trong các phương án của địa phương. Do thiếu thiết chế này, các thỏa thuận phối hợp, kể cả cơ chế thống nhất giá ba bên, vẫn diễn ra theo từng trường hợp và chưa được áp dụng thống nhất cho toàn làng. Làng cũng thiếu một diễn đàn chung để cộng đồng đối thoại với chính quyền về các vấn đề như quy hoạch hạ tầng, bảo tồn cảnh quan hay truyền nghề.

Rào cản thứ hai là vướng mắc pháp lý về tư cách tổ chức và đất đai, như đã phân tích ở Mục 3.2. Đây là những rào cản thể chế nằm ngoài khả năng tự giải quyết của cộng đồng, và cần chính quyền chủ động tháo gỡ.

Rào cản thứ ba là quy trình và mô hình thu hút đầu tư chưa phù hợp với đặc thù DLCĐ. Một mặt, việc các dự án được chấp thuận từ giai đoạn 2017-2018 kéo dài gần một thập kỷ mà chưa được triển khai hay xử lý dứt điểm khiến quỹ đất trong ranh quy hoạch rơi vào tình trạng “treo”, ảnh hưởng đến khả năng đầu tư của chính người dân và tổ chức trung gian. Mặt khác, các dự án chủ yếu do nhà đầu tư bên ngoài sở hữu và vận hành; đáng chú ý, dự án Khu du lịch sinh thái Trà Nhiều Xanh từng dự kiến giải tỏa rồi đưa người dân “vào lại sinh sống làm việc bên trong” để phục vụ trải nghiệm của du khách (Khánh Linh, 2018). Cách tiếp cận này đặt cộng đồng vào vị trí một thành phần của sản phẩm, thay vì là chủ thể quản lý, khai thác và hưởng lợi như tinh thần của DLCĐ. Trong khi đó, kế hoạch năm 2026 của xã tiếp tục đặt nhiệm vụ kêu gọi đầu tư các dự án du lịch sinh thái ven sông Thu Bồn tại Trà Nhiều nhưng chưa đặt ra tiêu chí về mô hình liên kết với cộng đồng (UBND xã Nam Phước, 2026b), nên có nguy cơ lặp lại những mô hình đầu tư đã không thành công trước đây.

Rào cản thứ tư, mang tính tiềm ẩn, là nguy cơ đánh đổi giữa hiện đại hóa hạ tầng và bảo tồn cảnh quan làng quê, vốn là nền tảng cốt lõi của mô hình DLCĐ tại Trà Nhiều. Nhu cầu tiếp cận của xe du lịch cỡ lớn là có thật. Tuy nhiên, việc mở rộng, bê tông hóa đường làng theo hướng đồng bộ, quy mô lớn, nếu không được quy hoạch cẩn trọng, có nguy cơ xóa đi chính những giá trị cảnh quan mà du khách tìm đến và DLCĐ dựa vào để tồn tại.

Rào cản thứ năm là nguy cơ đứt gãy nguồn lực tri thức bản địa, nền tảng cho chiến lược sản phẩm của làng. Với nghề đan thúng chai, được xem là “hồn cốt” của Trà Nhiều, dù nhiều hộ vẫn làm thúng nhưng mỗi hộ chỉ đảm nhận được một vài công đoạn, và hiện chỉ còn một nghệ nhân cao tuổi nắm trọn toàn bộ quy trình (PVS ông TDT, người quản lý THT). Tình trạng tương tự cũng diễn ra ở nghề dệt chiếu cói, khi lực lượng làm nghề chủ yếu là người cao tuổi và lớp kế cận gần như vắng bóng (PVS bà NTQ, hộ làm nghề dệt chiếu cói truyền thống). Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về sự phối hợp giữa các bên trong việc tổ chức truyền nghề cho thế hệ kế cận, bởi tri thức nghề một khi mất đi sẽ khó có thể phục hồi.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Vận dụng cách tiếp cận các bên tham gia, kết quả nghiên cứu cho thấy những hạn chế trong tổ chức và phối hợp giữa các chủ thể là một trong những yếu tố quan trọng lý giải tính thiếu ổn định của DLCĐ Trà Nhiều. Qua các giai đoạn, vai trò dẫn dắt chuyển từ cộng đồng sang doanh nghiệp rồi sang các dự án quy mô lớn; trong khi các dự án này đình trệ, chính một nhóm hộ đã tự khôi phục hoạt động và hình thành tổ chức trung gian. Hiện nay, cộng đồng và tổ chức trung gian là những chủ thể có tính chính danh cao nhất

nhưng nắm ít quyền lực nhất, trong khi các điều kiện phát triển lại phụ thuộc vào những chủ thể tham gia gián tiếp. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm thể chế hóa quan hệ phối hợp và chia sẻ lợi ích giữa các bên, tạo điều kiện để cộng đồng giữ vai trò chủ thể, qua đó đưa DLCĐ Trà Nieu phát triển ổn định, bền vững trong không gian hành chính mới.

Một là, thể chế hóa cơ chế điều phối và chia sẻ lợi ích ở cấp làng. Sự giải thể của Ban điều hành trước đây cho thấy một thiết chế điều phối tự quản khó tồn tại khi không có nguồn tài chính ổn định, trong khi hiện chưa có cơ chế để ngân sách chi trực tiếp cho hoạt động của thiết chế này. Do đó, chức năng điều phối nên được gắn với một chủ thể có tư cách pháp nhân, như giao cho hợp tác xã sau khi thành lập, để vừa có thể thu giá dịch vụ, trích một phần doanh thu cho hoạt động chung, vừa tiếp cận được các chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể và chương trình phát triển du lịch nông thôn. Các thỏa thuận tự phát hiện có, như cơ chế thống nhất giá ba bên cho hộ nghề, cần được chính thức hóa trong quy chế chung của làng.

Hai là, tháo gỡ các vướng mắc pháp lý và điều chỉnh cách tiếp cận trong thu hút đầu tư. Chính quyền cần ưu tiên hoàn tất thủ tục thành lập hợp tác xã và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu vực phát triển du lịch, đồng thời rà soát, xử lý dứt điểm các dự án chậm triển khai theo quy định của pháp luật về đầu tư để giải phóng quỹ đất “treo”. Đối với thu hút đầu tư mới, cần cân nhắc bổ sung các tiêu chí lựa chọn dự án phù hợp với đặc thù DLCĐ, theo hướng ưu tiên các mô hình có cơ chế liên kết với cộng đồng và tổ chức trung gian, hạn chế đến mức thấp nhất việc giải tỏa dân cư. Bên cạnh đó, có thể khuyến khích các dịch vụ lưu trú, ẩm thực quy mô nhỏ gắn với cộng đồng, nhằm từng bước gia tăng phần giá trị được giữ lại tại làng.

Ba là, lồng ghép bảo tồn cảnh quan và tri thức bản địa vào quy hoạch phát triển. Hạ tầng cần được quy hoạch theo hướng phân tầng mức độ can thiệp theo không gian: nâng cấp khu vực cửa ngõ để đáp ứng nhu cầu tiếp cận, còn không gian nội làng ưu tiên duy tu các tuyến đường hiện hữu thay vì mở rộng, bê tông hóa quy mô lớn. Song song, cần có chương trình phối hợp giữa chính quyền và tổ chức trung gian để tư liệu hóa và truyền dạy nghề đan thúng chai, hỗ trợ người trẻ theo học nghề. Việc phát triển mô hình du lịch học tập cộng đồng có thể vừa tạo nguồn khách ổn định, vừa biến tri thức nghề thành nguồn sinh kế, qua đó gắn lợi ích kinh tế với động lực bảo tồn ■

Lời cảm ơn:

Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở 2026 “Phát triển chuỗi giá trị du lịch cộng đồng tại thành phố Đà Nẵng” theo HĐ số 05/HĐKH-VTBTN ngày 17/3/2026 do ThS. Hồ Thị Kim Thùy làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Hoàng Anh. (2022). Quảng Nam điều chỉnh chủ trương đầu tư Khu du lịch sinh thái Trà Nieu Xanh. <https://baodautu.vn/quang-nam-dieu-chinh-chu-truong-dau-tu-khu-du-lich-sinh-thai-tra-nhieu-xanh-d160553.html>
- Hoàng Liên. (2026). Hướng tới phát triển du lịch sinh thái. <https://baodanang.vn/huong-toi-phat-trien-du-lich-sinh-thai-3342302.html>
- Khánh Linh. (2018). Mời gọi đầu tư vào Trà Nieu. <https://baodanang.vn/moi-goi-dau-tu-vao-tra-nhieu-3088440.html>
- Ngọc Phúc. (2018). Du lịch cộng đồng trước nguy cơ phá sản. <https://www.sgpp.org.vn/du-lich-cong-dong-truoc-nguy-co-pha-san-post496313.html>

- Nguyễn Quỳnh & Phan Hải. (2023). Quảng Nam: Làng du lịch cộng đồng Trà Nhiêu khởi sắc trở lại. <https://vietnamtourism.gov.vn/post/49601>
- Nguyễn Thị Hương Giang, Lê Thị Thảo, Phạm Thị Thành. (2026). Giải pháp phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại làng Trà Nhiêu, TP Đà Nẵng. <https://tuoitre.vn/dulichthphcm/giai-phap-phat-trien-du-lich-dua-vao-cong-dong-tai-lang-tra-nhieu-tp-aa-nang-107114402.htm>
- Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Phước. (2025). Làng du lịch sinh thái cộng đồng Trà Nhiêu. <https://namphuoc.danang.gov.vn/chi-tiet-tin/nid/4409>
- Quốc Trung. (2024). Người Trà Nhiêu đồng lòng làm du lịch. <https://nhandan.vn/nguoi-tra-nhieu-dong-long-lam-du-lich-post802727.html>
- Quốc hội. (2017). Luật số 09/2017/QH14: Luật Du lịch, ban hành ngày 19/6/2017.
- Quốc hội. (2015). Nghị quyết số: 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Song Anh & Phan Vinh. (2016). Trà Nhiêu, ngôi làng “ngủ quên”. <https://baodanang.vn/tra-nhieu-ngoi-lang-ngu-quen-3105945.html>
- Trọng Huy. (2026). HĐND thành phố Đà Nẵng thông qua chủ trương thành lập 10 phường mới. <https://baodanang.vn/hdnd-thanh-pho-da-nang-thong-qua-chu-truong-thanh-lap-10-phuong-moi-3342350.html>
- Tuấn Vỹ. (2025). Bao giờ Khu du lịch sinh thái Làng cau Trà Đông được triển khai? <https://diendandoanhnghiep.vn/bao-gio-khu-du-lich-sinh-thai-lang-cau-tra-dong-duoc-trien-khai-10154142.html>
- UBND xã Duy Vinh. (2024). Phương án Phát triển du lịch sinh thái cộng đồng gắn với bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa và nghề truyền thống tại Làng Trà Nhiêu, thôn Trà Đông, xã Duy Vinh đến năm 2025
- UBND xã Nam Phước. (2026a). Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 11/6/2026 về triển khai thực hiện công tác quản lý Nhà nước và phát triển du lịch trên địa bàn xã Nam Phước giai đoạn 2026 - 2030
- UBND xã Nam Phước. (2026b). Kế hoạch triển khai thực hiện công tác du lịch năm 2026
- Byrd, E. T., Bosley, H. E., & Dronberger, M. G. (2009). Comparisons of stakeholder perceptions of tourism impacts in rural eastern North Carolina. *Tourism Management*, 30(5), 693–703. <https://doi.org/10.1016/j.tourman.2008.10.021>
- Freeman, R. E., & McVea, J. (2005). A stakeholder approach to strategic management. In M. A. Hitt, R. E. Freeman, & J. S. Harrison (Eds.), *The Blackwell handbook of strategic management* (pp. 183–201). Blackwell Publishing.
- Morales-Zamorano, L. A., Camacho-García, A. L., Bustamante-Valenzuela, A. C., Cuevas-Merecías, I., & Suarez-Hernández, Á. M. (2020). Value chain for agritourism products. *Open Agriculture*, 5(1), 768-777.
- Sautter, E. T., & Leisen, B. (1999). Managing stakeholders a tourism planning model. *Annals of Tourism Research*, 26(2), 312-328. [https://doi.org/10.1016/S0160-7383\(98\)00097-8](https://doi.org/10.1016/S0160-7383(98)00097-8)
- Timur, S., & Getz, D. (2008). A network perspective on managing stakeholders for sustainable urban tourism. *International Journal of Contemporary Hospitality Management*, 20(4), 445–461. <https://doi.org/10.1108/09596110810873543>